

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

QUÝ II NĂM 2009

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:

STT	NỘI DUNG	SỐ DƯ ĐẦU KỲ	SỐ DƯ CUỐI KỲ
I	Tài sản ngắn hạn	288,648,556,457	276,320,948,810
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	16,445,774,155	37,640,803,172
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	175,984,396,351	165,289,557,249
4	Hàng tồn kho	90,365,971,473	70,580,783,881
5	Tài sản ngắn hạn khác	5,852,414,478	2,809,804,508
II	Tài sản dài hạn	149,777,820,845	151,913,138,469
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	121,126,811,792	118,286,163,849
	-Tài sản cố định hữu hình	52,603,230,987	58,974,522,711
	-Tài sản cố định vô hình	1,641,666,667	1,591,666,667
	-Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	66,881,914,138	57,719,974,471
3	Bất động sản đầu tư	6,077,780,684	5,643,085,986
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	22,573,228,369	27,983,888,634
5	Tài sản dài hạn khác	-	-
	Tổng tài sản	438,426,377,302	428,234,087,279
III	Nợ phải trả	317,125,271,640	301,802,143,768
1	Nợ ngắn hạn	298,377,817,858	285,757,860,066
2	Nợ dài hạn	18,747,453,782	16,044,283,702
IV	Nguồn vốn chủ sở hữu	121,301,105,662	126,431,943,511
1	Vốn chủ sở hữu	120,607,688,366	125,026,963,455
	-Vốn đầu tư của chủ sở hữu	80,000,000,000	80,000,000,000
	-Thặng dư vốn cổ phần	16,200,000,000	16,200,000,000
	-Cổ phiếu quỹ		
	-Các quỹ	15,455,705,886	20,360,089,242
	-Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	8,951,982,480	8,466,874,213
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	693,417,296	1,404,980,056
	-Quỹ khen thưởng phúc lợi	693,417,296	1,404,980,056
	Tổng nguồn vốn	438,426,377,302	428,234,087,279

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH :

STT	CHỈ TIÊU	QUÝ II/2009	LŨY KẾ
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	274,256,839,745	438,223,370,957
2	Các khoản giảm trừ		-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	274,256,839,745	438,223,370,957
4	Giá vốn hàng bán	267,084,908,727	424,622,426,521
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	7,171,931,018	13,600,944,436
6	Doanh thu hoạt động tài chính	186,980,750	247,478,821
7	Chi phí tài chính	1,475,190,673	3,660,339,799
8	Chi phí bán hàng		-
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	1,846,508,350	3,266,885,469
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	4,037,212,745	6,921,197,989
11	Thu nhập khác	962,759,628	3,108,194,471
12	Chi phí khác		327,270,000
13	Lợi nhuận khác	962,759,628	2,780,924,471
14	Tổng lợi nhuận trước thuế	4,999,972,373	9,702,122,460
15	Thuế thu nhập phải nộp	739,799,588	1,235,337,247
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập	4,260,172,785	8,466,785,213
18	Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	533	1,058

Ngày 20 tháng 07 năm 2009

Kế toán trưởng

Giám đốc

Trần Thúy Hương